

XUNG QUANH VẤN ĐỀ

phòng trừ rầy nâu ở các tỉnh phía Bắc

NGUYỄN DUY NGHỊ

Tình hình rầy nâu ở các tỉnh phía Bắc mấy năm vừa qua có chiều hướng gia tăng. Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm trong mấy năm gần đây, tác giả nêu các biện pháp đã tiến hành để phòng trừ và nêu 4 biện pháp nhằm tổ chức thực hiện trong thời gian tới.

MẤY vụ Đông — Xuân gần đây ở các tỉnh phía Bắc rầy nâu đã phát sinh gây hại nặng, việc phòng trừ rất tích cực và đã mang lại một số kết quả rõ rệt. Song xung quanh vấn đề phòng trừ rầy nâu ở các tỉnh phía Bắc cũng cần được đánh giá đầy đủ và rút ra được những bài học kinh nghiệm cần thiết về kỹ thuật và chỉ đạo thực hiện.

Trong bài này chúng tôi chỉ xin nêu một số ý kiến nhỏ về chủ đề trên.

I. Tình hình diễn biến của rầy nâu:

1. Thời gian phát sinh gây hại:

Trong vụ Đông Xuân, rầy nâu phát sinh 4 đợt. Đợt 1 vào cuối tháng 1 rải rác trên mạ, mật độ thấp. Đợt 2 vào đầu tháng 3 trên lúa đẻ nhánh, lúc này mật độ chưa cao, khả năng tích lũy thấp. Đợt 3 vào đầu tháng 4 mật độ cao và gây cháy (*) cục bộ trên lúa sớm. Đợt 4 vào giữa tháng 5 diện tích nhiễm rầy rất lớn, mật độ cao và gây cháy trên diện tích rộng. Thanh Hóa và khu 4 gây cháy vào đầu đến giữa tháng 5, đồng bằng trung du Bắc Bộ gây cháy vào cuối tháng 5 đầu tháng 6 trên lúa xuân đại trà.

2. Diện tích bị rầy nâu:

Theo thống kê chưa đầy đủ, diện tích bị rầy trong các vụ Đông Xuân ở các tỉnh phía Bắc làm cho ta phải chú ý.

Đông Xuân 1984 — 1985 diện tích bị nhiễm rầy 120 000 ha nhưng cháy 2000 ha. Đông Xuân 1985 — 1986 diện tích nhiễm rầy 338.000 ha trong đó bị nặng 134 600 ha và cháy 9317 ha, đây là vụ bị rầy nâu hại nặng nề nhất. Đông Xuân 1986 — 1987 diện tích nhiễm rầy trên 400 000 ha nhưng chỉ cháy trên 2000 ha.

Đông Xuân 1987 — 1988 diện tích nhiễm 270 000 ha trong đó nặng khoảng 100 000 ha và cháy khoảng 400 ha.

Dịch rầy nâu xảy ra tập trung chủ yếu ở vùng Thanh Hóa, Nghệ Tĩnh và đồng bằng trung

du Bắc Bộ, như Hà Nam Ninh, Thái Bình, Hải Hưng, Hà Bắc v.v... Riêng Đông Xuân 1987 — 1988 vùng hại nặng tập trung ở trung du và miền núi như Bắc Thái, Sơn La, Vĩnh Phú... nhất là vùng thâm canh, trên giống nhiễm, vùng trũng...

3. Mật độ rầy nâu:

Thời kỳ cao điểm mật độ rầy trung bình vài trăm con/m², cao hàng ngàn con/m², những diện tích bị cháy mật độ hàng chục ngàn con/m². Tuy nhiên chúng ta cần quan tâm đến mật độ rầy tuổi nhỏ (còn gọi là rầy cám) vì ở thời kỳ này áp dụng các biện pháp phòng trừ có hiệu quả cao, đồng thời dự báo được thời kỳ cháy rầy. Kết quả theo dõi ngoài đồng ruộng và trong thí nghiệm của nhiều nơi cho thấy thời gian từ đỉnh cao rầy cám đến cháy rầy khoảng trên dưới 15 ngày.

Điều quan trọng ở đây là tốc độ tích lũy rầy từ đợt 2 sang đợt 3 và nhất là từ đợt 3 sang đợt 4. Điều kiện thời tiết và cây trồng càng thuận lợi cho sự phát triển của rầy nâu thì tốc độ tích lũy càng nhanh và khả năng gây cháy càng lớn.

II. Biện pháp kỹ thuật phòng trừ rầy nâu:

Những năm qua các tỉnh phía Bắc áp dụng các biện pháp kỹ thuật trừ rầy nâu có hiệu quả như sau:

1. Dùng giống lúa chống chịu rầy nâu:

Dùng giống chống chịu rầy nâu đẻ chủ động hạn chế dịch xảy ra là một biện pháp hữu hiệu nhất, chủ động nhất. Trừ rầy nâu tháng lợi ở các tỉnh Nam Bộ vào những năm cuối thập kỷ 70 là một chứng minh rõ điều này.

Ở các tỉnh phía Bắc diện tích bị nhiễm và cháy rầy nâu chủ yếu ở các vùng cấy nhiều giống nhiễm như: A₁, NN₈, Xuân số 2, VN₁...

(*) «Cháy rầy» là chỉ lúa bị rầy gây hại hoàn toàn.

X... nhất là các giống địa phương như chiêm tếp, ngòi v.v... Việc dùng giống chống chịu rầy nâu ở các tỉnh phía Bắc còn chú trọng đến khả năng chống rét và cho năng suất cao. Vì vậy phải bố trí thời vụ gieo cấy thật chặt chẽ. Những giống chống chịu rầy nâu đang gieo cấy phổ biến ở vùng này là: CR₂₀₃, IR₁₇₄₉₄, OM₃₀₄, 84-1, 84-2, IR₉₉₆₅, C₃₇, C₁₈₀...

Nhưng trong chỉ đạo sản xuất dùng giống chống chịu sâu bệnh phải đảm bảo một cơ cấu thích hợp nhằm đạt được tổng sản lượng cao nhất, nghĩa là vùng thường bị rầy nâu có thể đưa tỷ lệ giống chống chịu cáo (60-70%), vùng ít bị rầy có thể tỷ lệ thấp hơn (40-50%). Ở đây cũng chú ý đến một chi tiết là các giống chống chịu rầy nâu đang phổ biến trong sản xuất đều là những giống có năng suất khá và cao (tương đương như những giống năng suất cao nhiễm rầy). Song đưa giống chống rầy nâu vào sản xuất còn phải quan tâm đến khả năng bị bệnh của chúng nhất là bệnh khô vằn và bệnh đạo ôn.

Trải qua các vụ dịch rầy nâu, diễn hình ở nhiều tỉnh có những hợp tác xã, những cánh đồng... đã hạn chế rầy nâu rất có hiệu quả bằng biện pháp giống.

2. Dùng dầu trừ rầy nâu trong ruộng nước:

Khi dịch rầy nâu xảy ra trên đồng ruộng thường thiếu thuốc đặc hiệu bóm phun thuốc không đủ mà diện tích cần phòng trừ lớn. Cho nên áp dụng biện pháp trừ rầy bằng dầu diezen khi rầy cám cũng có kết quả nhất định. Nhưng yêu cầu kỹ thuật không thể bỏ qua khi áp dụng biện pháp này là:

- Phải rẽ lúa thành từng luống, mỗi luống 4-5 hàng lúa (không nên nhiều hàng lúa quá). Sau khi nhổ đầu xuống nước dùng qua đập ngang khóm lúa hoặc dùng dụng cụ "rùa" khóm lúa cho rầy cám rơi xuống mặt dầu.

- Mỗi sào Bắc Bộ dùng khoảng 0,5 lít dầu, nhưng phải thực hiện thao tác đập hoặc rửa khóm lúa nhiều lần trong một đợt mới có hiệu quả, vì trong một đợt rầy nâu thường kéo dài.

Vận dụng biện pháp dùng dầu trừ rầy nâu phải kiên trì, đúng kỹ thuật, làm vào thời kỳ cao điểm rầy cám, vừa chống hiện tượng cháy rầy vừa bảo vệ lúa không bị hại.

3. Dùng thuốc hóa học trừ rầy nâu:

Với rầy nâu dùng thuốc hóa học đặc hiệu phòng trừ rất có hiệu quả. Vừa qua loại thuốc dùng phổ biến là Baxca và Mipcin (nhưng chủ yếu là Baxca). Ngoài ra khi rầy còn nhỏ (trước tuổi 3) một số nơi dùng thêm thuốc trừ sâu khác như Diazinon, Wofatox, Metaphos, v.v... cũng có hiệu quả.

Ở những vùng dịch rầy nâu có một số vấn đề được nêu ra trong khi phun thuốc như sau:

- Thời gian phun thuốc trừ rầy nâu vào đợt nào trong vụ sẽ có hiệu quả? Có nơi trừ rầy ngay từ đợt 3 (tháng 4) là lúc diện tích hẹp... cháy ở nhỏ, nếu trừ tốt đợt này làm giảm khả năng bùng nổ đợt 4 (tháng 5). Nhưng điều lo ngại là trên giống nhiễm diện tích rộng dùng thuốc có tính chất "phòng" như thế này chưa có đủ kết luận đảm bảo an toàn vào cuối vụ. Nhiều địa phương chỉ dùng thuốc khi mật độ rầy cám cao xấp xỉ ngưỡng phòng trừ (khoảng 1000 con/m²), có khả năng gây cháy (chục ngàn con/m²). Dùng thuốc lúc này trên diện tích rộng hơn đòi hỏi vật tư lớn và tổ chức chỉ đạo khó khăn hơn.

- Khi phun thuốc ở thời kỳ cao điểm rầy cám thông thường phải phun kép 2 lần mới triệt để (cùng vì mỗi đợt rầy nó thường kéo dài). Phun thuốc trừ rầy nâu yêu cầu đúng kỹ thuật là rất quan trọng. Ngoài việc dùng đúng thuốc, pha đúng nồng độ ra, đảm bảo liều lượng thuốc cần phải phun, đúng hàng lối, với phun thuốc phải sát vào thân cây lúa từ mặt nước trở lên.

- Nhiều tài liệu trong và ngoài nước đã có nhận xét nếu dùng thuốc trừ sâu gốc lân hữu cơ rất dễ tạo nên sự tái phát rầy nâu. Vì nó ảnh hưởng chủ yếu đến ký sinh thiên địch của rầy nâu, do đó càng phải cân nhắc khi dùng thuốc hóa học trừ rầy nâu.

III. Tổ chức chỉ đạo phòng trừ rầy nâu:

Có biện pháp đúng nhưng không có tổ chức chỉ đạo thực hiện tốt cũng không mang lại kết quả như mong muốn. Trong phong trào trừ rầy nâu ở các tỉnh phía Bắc vấn đề này càng nổi bật, có tầm quan trọng đặc biệt.

1. Điều tra phát hiện kịp thời, dự tính dự báo chính xác: Rầy nâu không còn là đối tượng mới mẻ đối với cán bộ và nông dân vùng thâm canh lúa, nhưng trên đồng ruộng việc điều tra phát hiện kịp thời các ổ rầy, theo dõi các giai đoạn phát dục của rầy, tính toán mật độ rầy là rất cần thiết làm cơ sở cho dự tính dự báo chính xác.

Đánh giá quá trình tích lũy của các đợt rầy trên các trà lúa, giống lúa. Trên cơ sở dự tính dự báo thời gian xuất hiện các đỉnh cao rầy cám, mật độ và khả năng gây hại, phân loại diện tích bị rầy (nặng, trung bình, nhẹ) mà đề xuất thực hiện các biện pháp phòng trừ phù hợp có hiệu quả. Đây là nội dung hoạt động kỹ thuật rất cần thiết ở cơ sở (huyện hợp tác xã và người lao động). Nếu không coi trọng vấn đề này thường dẫn đến bị động về năm tình

hình, chủ trương biện pháp và tổ chức lực lượng đối phó không đạt hiệu quả cao.

2. Chuẩn bị vật tư kỹ thuật:

Phòng trừ rầy nâu bằng bất cứ biện pháp kỹ thuật nào (giống chống chịu, dầu diezen, thuốc hóa học v.v...) cũng đều phải chuẩn bị sớm vật tư kỹ thuật, tùy theo nội dung của từng biện pháp mà phải có thời gian chuẩn bị sớm vật tư kỹ thuật như: giống chống chịu rầy nâu phải trước 1 vụ, dầu và thuốc hóa học phải có trước khi dính cao rầy cắn xuất hiện v.v...

Đối với giống chống chịu rầy nâu phải dày mạnh tuyên truyền giải thích và có kế hoạch quy hoạch cụ thể. Phải tạo được những điển hình trình diễn tốt nhằm thuyết phục mọi người thực hiện. Những vụ qua nơi chưa tích cực đưa giống chống chịu rầy nâu vào sản xuất. Khi dịch xảy ra chống đỡ rất vất vả và tốn kém nhiều mà thiệt hại vẫn không tránh khỏi. Đối với dầu hoặc thuốc hóa học chỉ áp dụng khi rầy còn nhỏ. Vì vậy phải chuẩn bị sớm vật tư kỹ thuật này để khi sử dụng là có điều kiện triển khai ngay trên đồng ruộng. Thời gian qua nhiều địa phương sử dụng dầu và thuốc chưa cao, ngoài lý do kỹ thuật còn có nguyên nhân cung ứng không kịp thời, bỏ lỡ mất giai đoạn phòng trừ tốt nhất.

3. Xây dựng và củng cố mạng lưới bảo vệ thực vật:

Phòng trừ sâu bệnh nói chung và rầy nâu nói riêng không thể chỉ trông chờ vào cán bộ kỹ thuật của tỉnh huyện hay Trung ương mà một khâu khá quyết định là cơ sở sản xuất. Lực lượng kỹ thuật việc bám sát đồng ruộng, căn cứ vào dự tính dự báo mà tổ chức điều tra phát hiện sâu bệnh tại chỗ, phân loại trà lúa, giống lúa bị rầy đẻ có biện pháp xử lý đúng.

Kỹ thuật viên cũng là lực lượng trực tiếp hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc kỹ thuật khi đồng bào nhân dân thực hiện ngoài đồng ruộng. Có vật tư kỹ thuật nhưng không có cán bộ kỹ thuật chỉ đạo thực hiện hiệu quả cũng không cao. Nhiều vùng ruộng lớn kỹ thuật viên, nghĩa là không xây dựng củng cố nội dung hoạt động của lực lượng này thường dẫn đến bị động, không nắm được sâu bệnh ngoài đồng ruộng, do đó thực hiện các biện pháp kỹ thuật kém hiệu quả và gây thiệt hại cho sản xuất. Nhưng củng cố mạng lưới kỹ thuật viên phải trên cơ sở có tổ chức tốt (đội bảo vệ thực

vật), có nội dung hoạt động thiết thực phong phú (hợp đồng dịch vụ) và có chế độ chính sách thỏa đáng.

Lực lượng kỹ thuật viên còn là hạt nhân tuyên truyền kiến thức bảo vệ thực vật phổ thông đến người lao động. Trong chiến dịch trừ rầy nâu phải làm mọi người hiểu rõ thế nào là con rầy, các giai đoạn phát dục chính và tác hại của nó, những cơ sở khoa học của các biện pháp kỹ thuật phòng trừ v.v...

4. Tổ chức điều hành của lãnh đạo:

Dịch rầy nâu xảy ra ở mấy vụ đông xuân vừa qua (thời kỳ cao điểm), đều trùng với các cuộc vận động chính trị sâu rộng trong quần chúng; do đó việc quản lý đồng ruộng không chặt chẽ, tổ chức chỉ đạo rầy nâu không mạnh thậm chí có nơi buông trôi.

Một kinh nghiệm cho chúng ta là mặc dù cán bộ kỹ thuật có đề xuất đúng đến mấy, nhưng các cấp Đảng, Chính quyền chưa chuyển, chưa ra tay, chưa có những chỉ thị nghị quyết, chưa có những chỉ đạo cụ thể thì phong trào ở cơ sở cũng chưa hoạt động (trừ những nơi hiểu rõ và chủ động thực hiện).

Để phong trào trừ rầy nâu có chất lượng, các địa phương thường lập các Ban chỉ đạo từ tỉnh đến hợp tác xã khi rầy nâu có khả năng thành dịch. Vậy yếu tố tổ chức cần chú ý đây đủ các mặt: nhận thức và tầm quan trọng của trừ rầy, huy động lực lượng kỹ thuật và quần chúng triển khai, điều hành các khâu biện pháp một cách cụ thể.

Cho đến nay nhiều người cho rằng trừ rầy nâu đối với chúng ta không khó, cái khó nhất chính là nắm được diễn biến của rầy nâu trên đồng ruộng, để có được những chủ trương biện pháp sát đúng và phải có tổ chức chỉ đạo hữu hiệu sự diễn biến của rầy nâu trên đồng ruộng là hoàn toàn khách quan phụ thuộc vào nhiều yếu tố trong đó có thời tiết, giống lúa và trình độ thâm canh v.v... song tổ chức phong trào phòng trừ rầy nâu tránh thiệt hại cho sản xuất là hoàn toàn phụ thuộc vào nhận thức và hành động của những người cán bộ kỹ thuật, cán bộ lãnh đạo và đồng bào quần chúng nhân dân.

Bài học kinh nghiệm phòng trừ rầy nâu cũng là những bài học chung cho việc phòng trừ các sâu bệnh khác và được vận dụng linh hoạt trong từng điều kiện cụ thể ở từng địa phương nhằm đưa công tác bảo vệ thực vật phục vụ sản xuất ngày càng có hiệu quả cao hơn.

Biên tập: Nghiêm Phú Ninh